

# MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM DỊCH TỄ HỌC VỀ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIỚI ĐÃ TIẾP CẬN VỚI HAI BỆNH VIỆN ĐỨC GIANG VÀ ĐÔNG ANH, HÀ NỘI

*Nguyễn Thị Vân Anh<sup>\*</sup>; Phạm Lê Tuấn<sup>\*\*</sup>; Đoàn Huy Hậu<sup>\*\*\*</sup>*

## TÓM TẮT

Với sự tài trợ của Quỹ Ford (Mỹ), từ 2002 - 2009, chúng tôi đã triển khai các hoạt động chăm sóc y tế, hỗ trợ nạn nhân bạo hành giới tại Bệnh viện Đức Giang, Đông Anh (Hà Nội). 1.885 nạn nhân tiếp cận với hai bệnh viện đã được sàng lọc, phát hiện, điều trị và tư vấn. Kết quả: 92,0% nạn nhân ở độ tuổi có gia đình, bạo lực gia đình chiếm 89,2%. Bạo lực tinh thần và thể chất chiếm tỷ lệ cao (80,3% và 66,2%).

\* Từ khóa: Bạo lực giới; Đặc điểm dịch tễ.

## SOME EPIDEMIOLOGICAL CHARACTERISTICS OF VICTIMS OF GENDER-BASED VIOLENCE APPROACHED TO DUCGIANG AND DONGANH HOSPITALS OF HANOI

### SUMMARY

*Under the sponsorship of the Ford Foundation, USA, Hanoi Department of Health had conducted activities of health care supporting victims of gender-based violence (GBV) in Ducgiang, DongAnh Hospitals of Hanoi from 2002 to 2009. 1,885 GBV victims approaching these two hospitals were screened, detected, treated and provided with consultancy. The results showed that 92.0% of GBV victims was married status, domestic violence accounted for 89.2%. Psychological and physical violence had high percentage (80.3% and 66.2%).*

\* Từ khóa: Gender-based violence; Epidemiological characteristics.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Bạo lực đối với phụ nữ là một hiện tượng phổ biến trên thế giới, là vấn đề quan tâm chung của nhiều khu vực, cộng đồng

dân tộc và nhiều xã hội khác nhau. Tổ chức Y tế Thế giới đã coi bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái là vấn đề y tế công cộng, vi phạm quyền con người. Ở Việt Nam, bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt bạo lực gia đình, lạm dụng

---

\* Sở Y tế Hà Nội

\*\* Bộ Y tế

\*\*\* Học viện Quân y

**Phản biện khoa học: PGS. TS. Lê Văn Bào**

tình dục bắt đầu được đưa ra công luận trong thời gian gần đây. Để giải quyết vấn đề này một cách cơ bản, hệ thống và mang tính pháp lý, ngày 21 - 11 - 2007, Quốc hội

Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Luật Phòng chống Bạo lực gia đình, Luật có hiệu lực thi hành

từ 1 - 7 - 2008. Tuy vậy, đặc điểm dịch tễ bạo lực phụ nữ chưa được nghiên cứu nhiều.

Trong thời gian 7 năm (5 - 2002 đến 12 - 2009), Sở Y tế Hà Nội đã triển khai các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bạo lực giới (BLG) tại cơ sở y tế. Trong bài báo này, chúng tôi đề cập các nội dung liên quan đến đặc điểm dịch tễ học về nạn nhân BLG nhằm: *Mô tả một số đặc điểm dịch tễ học nạn nhân BLG và hình thái bạo lực cũng như các yếu tố liên quan.*

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Đối tượng nghiên cứu.**

1.885 bệnh nhân là nạn nhân của BLG đến khám tại Bệnh viện Đức Giang, Đông Anh (Hà Nội).

### **2. Phương pháp nghiên cứu.**

- *Thiết kế nghiên cứu:* mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính, có hồi cứu; nghiên cứu can thiệp, đánh giá trước sau.

- *Xử lý số liệu:* bằng chương trình phần mềm Epi 6.0 và SPSS/PC 18.0.

- Thời điểm đánh giá: 5 - 2002 đến 12 - 2009.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**1. Một số đặc điểm dịch tễ học bạo lực phụ nữ tại Bệnh viện Đức Giang, Đông Anh.**

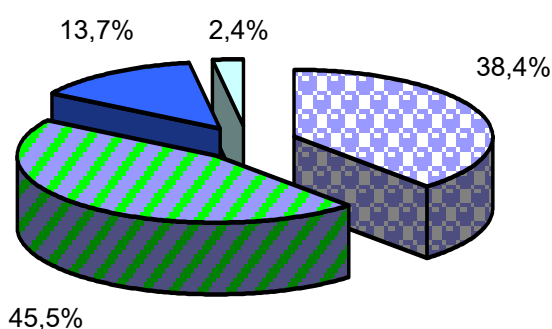
*Bảng 1: Độ tuổi của nạn nhân bị bạo lực.*

NHÓN TUỔI	n	(%)	TỶ LỆ CỘNG DỒN (%)
< 15	14	0,8	0,8
15 - 19	19	1,0	1,8
20 - 29	526	27,9	29,7
30 - 39	666	35,3	65,0
40 - 49	509	27,0	92,0
≥ 50	151	8,0	100,0
Tuổi trung bình	35,6 ± 9,37		

Tuổi trung bình của các nạn nhân trong nghiên cứu là 35,6 ± 9,37; 92,0% nạn nhân có gia đình ở độ tuổi từ 20 - 49 tuổi. Số liệu này tương đồng với kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê (2010): 32% phụ nữ đã kết hôn bị bạo lực thể chất do chồng. Điều này cho thấy: tình trạng bạo lực gia đình rất phổ biến. Các nạn nhân đang trong độ tuổi lao động, vì thế ảnh hưởng của nó đối với hạnh phúc, kinh tế gia đình và xã hội rất lớn.

\* *Nghề nghiệp của nạn nhân:* nông dân: 648 người (34,4%); công nhân: 484 người (25,7%); buôn bán: 321 người (17,0%); cán bộ/viên chức nhà nước: 244 người (12,9%); nội trợ: 33 người (1,8%); sinh viên, học sinh, trẻ em: 155 người (8,2%).

Nông dân bị bạo lực với tỷ lệ cao nhất; tiếp đến là công nhân, cán bộ viên chức nhà nước cũng chiếm tỷ lệ tương đương (38,6%).

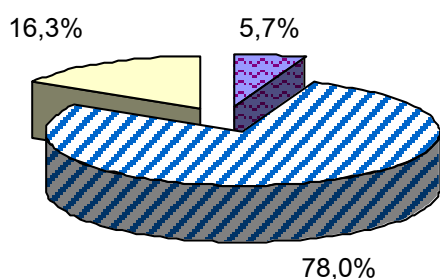


■ Thành thị HN  
 ■ Nông thôn HN  
 ■ Ngoại tỉnh  
 ■ Dấu địa chỉ

**Biểu đồ 1:** Phân bố khu vực sinh sống của nạn nhân.

Phụ nữ ở nông thôn bị bạo lực cao hơn thành thị (45,5% so với 38,4%). Số liệu này phù hợp với kết quả nghiên cứu Quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ Việt Nam năm 2010, phụ nữ nông thôn bị bạo lực là 35,4% và 32,2% ở thành thị. Trong số các nạn nhân được hỗ trợ, vẫn còn 2,4% nạn nhân e ngại không muốn khai báo địa chỉ.

Đây là một trong những đặc trưng của nạn nhân bị bạo lực, họ ngại khi nói đến tình trạng của mình vì lo sợ tiếp tục bị bạo lực; lo cho con cái và gia đình; họ xấu hổ, sợ bị chê cười và sợ người ta không tin họ... Việc không khai báo rõ địa chỉ là một yếu tố làm hạn chế việc can thiệp, hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng.



■ Không biết chữ, tiểu học  
■ Phổ thông cơ sở, phổ thông trung học  
■ Cao đẳng, trung cấp, đại học, trên đại học

**Biểu đồ 2:** Phân bố trình độ học vấn của nạn nhân.

Nạn nhân có trình độ phổ thông cơ sở, phổ thông trung học bị bạo lực với tỷ lệ cao nhất (78,0%). Đối với nhóm này, tỷ lệ bị cả bốn hình thái bạo lực cũng cao nhất, có thể họ có nhận biết và dám đưa ra vấn đề này.

\* Phân bố tình trạng hôn nhân của nạn nhân:

Nạn nhân đã kết hôn chiếm tỷ lệ chủ yếu (1.744 người = 92,5%); chưa kết hôn chiếm 5,5% (103 người) và ly hôn hoặc góa chồng chiếm 2,0% (38 người).

\* *Đối tượng gây bạo lực*: chồng: 1.682 người (89,2%); gia đình, họ hàng nhà chồng: 177 người (9,4%); gia đình, họ hàng nhà nạn nhân: 28 người (1,5%); bạn tình: 51 người (2,7%); người khác (hàng xóm, bạn bè, người nhà bệnh nhân, người qua đường...): 105 người (5,6%).

Kết quả nghiên cứu Quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ Việt Nam cho thấy: 58% phụ nữ bị chồng bạo lực. Trong số các nạn nhân bị bạo lực, 8,4% nạn nhân bị  $\geq 2$  đối tượng gây bạo lực, trong đó chủ yếu (91,1%) là chồng và gia đình, họ hàng nhà chồng, vấn đề này đã làm cho bạo lực gia đình càng trở nên phức tạp, chiếm ưu thế trong các dạng bạo lực và trở thành một vấn nạn của xã hội.

## 2. Hình thái bạo lực và các yếu tố liên quan.

\* *Hình thái bạo lực của nạn nhân*: nạn nhân bị bạo lực tinh thần chiếm tỷ lệ cao nhất (1.513 người = 80,3%), tiếp đến là bạo lực thể chất (1284 người = 66,2%), sau đó là bạo lực tình dục (251 người = 9,2%) và thấp nhất là bạo lực kinh tế (572 người = 3,0%).

\* *Phân bố đối tượng gây bạo lực tình dục (n = 251)*:

Trong số 251 nạn nhân bị bạo lực tình dục, 69,3% bị chồng bạo lực, bị hiếp dâm bởi bạn tình hoặc người khác (19,1%), bị lạm dụng tình dục bởi bạn tình hoặc người khác (11,6%).

\* *Phối hợp các hình thái bạo lực (n = 1.284)*:

Trong số 1.284 nạn nhân bị phối hợp nhiều hình thái bạo lực, 78,4% nạn nhân (1.007 người) bị cả bạo lực thể chất và tinh thần. 119 nạn nhân (6,3%) bị bạo lực tinh thần và tình dục, 4,4% bạo lực thể chất và tình dục, có 3,9% nạn nhân bị cả 3 loại hình bạo lực và 0,1% bị bạo lực toàn diện với 4 loại kết hợp.

*Bảng 2: Liên quan giữa hình thái bạo lực và khu vực sinh sống.*

HÌNH THÁI BẠO LỰC	THÀNH THỊ (n = 724)		NÔNG THÔN (n = 857)	
	n	(%)	n	(%)
Bạo lực tinh thần	571	78,9	711	83,0
Bạo lực thể chất	407	56,2	668	77,9
Bạo lực tình dục	95	13,1	91	10,6
Bạo lực kinh tế	21	2,9	30	3,5

Liên quan giữa bạo lực và khu vực nơi nạn nhân sinh sống cho thấy: phụ nữ nông thôn bị bạo lực tinh thần cao hơn so với phụ nữ thành thị (83,0% và 78,9%); bạo lực thể chất cũng tương tự (77,9% và 56,2%). Sự chênh lệch này có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ). Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ bạo lực tình dục là vấn đề nhận thức, vì họ thường ngại không muốn khai báo, hơn nữa, quan điểm vợ có trách nhiệm phải chiều chồng của đa số phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn làm cho họ thường ngộ nhận về vấn đề này.

\* *Liên quan giữa hình thái bạo lực và độ tuổi*:

Trong số 1.885 nạn nhân, nhóm 20 - 49 tuổi bị bạo lực thể chất, tinh thần và kinh tế chiếm tỷ lệ cao nhất so với 2 nhóm còn lại ( $p < 0,05$ ), bạo lực tình dục chiếm tỷ lệ cao nhất ở nhóm  $\leq 19$  tuổi (63,6%), trong đó, chủ yếu là hiếp dâm và lạm dụng tình dục, tiếp đến là nhóm  $\geq 50$  tuổi. Cần tư vấn, cung cấp kiến thức cho thanh thiếu niên về

bạo lực tình dục để họ hiểu, nhận thức và biết cách phòng tránh vấn đề này. Còn ở lứa tuổi  $> 50$ , cần được tư vấn, hỗ trợ về những vấn đề liên quan đến sức khỏe tình dục và tiền mãn kinh.

**Bảng 3:** Liên quan giữa trình độ học vấn và các hình thái bạo lực.

TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	BẠO LỰC THỂ CHẤT (n = 1.248)		BẠO LỰC TINH THẦN (n = 1.513)		BẠO LỰC TÌNH DỤC (n = 251)		BẠO LỰC KINH TẾ (n = 57)	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Không biết chữ, tiểu học	82	6,6	72	4,7	18	7,2	3	5,3
Phổ thông cơ sở, phổ thông trung học	1.049	84,0	1.185	78,3	190	75,9	51	89,5
Cao đẳng, trung cấp, đại học, trên đại học	117	9,4	256	17,0	43	17,2	3	5,3

Nhóm nạn nhân có trình độ phổ thông cơ sở và phổ thông trung học bị bạo lực cao nhất với cả 4 hình thái bạo lực: thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế, khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ).

## KẾT LUẬN

- Bạo lực phụ nữ là một vấn đề phức tạp, gặp ở bất kỳ độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, khu vực sinh sống, có gia đình hay chưa có gia đình. Đa số (92,0%) nạn nhân ở độ tuổi có gia đình (20 - 49 tuổi), tuổi trung bình  $35,6 \pm 9,37$ . Nạn nhân là nông dân và công nhân chiếm tỷ lệ cao nhất (34,4% và 25,7%), nông thôn bị bạo lực cao hơn so với thành thị (45,5% và 38,4%).

- Bạo lực gia đình chiếm tỷ lệ lớn trong các loại bạo lực, chủ yếu người phụ nữ bị chồng bạo lực (89,2%), tiếp đến, bạo lực tinh thần và thể chất (80,3% và 66,2%). Trong vấn đề tình dục, chồng gây bạo lực với tỷ lệ cao nhất (69,3%).

## KIẾN NGHỊ

- Tăng cường truyền thông, đào tạo, cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực phụ nữ cho người dân, cán bộ y tế hiểu biết cách phòng chống.

- Phối hợp giữa Ngành Y tế và các ban ngành xã hội khác nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động phòng chống bạo lực phụ nữ, bạo lực gia đình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*. Luật Phòng chống bạo lực gia đình. 2007.
2. *Tổng cục Thống kê, WHO*. Kết quả từ nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam 2010. 2010. tr.28-112.
3. *A M B Golding*. Domestic violence. Section of epidemiology & public health. Journal of the Royal Society of Medicine. London W1G 0AE, UK. 2005.
4. *Nguyen Van Vung, Jonzon. R*. Violence against women in intimate relationships: explanations and suggestions for interventions as perceived by healthcare workers, local leaders, and trusted community members in a Northern District of VietNam. Scand J Public Health 35(6). 2007, pp.640-647.
5. *WHO*. World Health Organization violence prevention activities. 2000-2004. Available from: [www3.unesco.org/Report/WHO.pdf](http://www3.unesco.org/Report/WHO.pdf). 2002.